

DANH SÁCH HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CHO CB-GV-CNV NĂM 2014
(THUỘC DIỆN ĐÃ ỦY QUYỀN NHÀ TRƯỜNG QUYẾT TOÁN THAY NĂM 2014)

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Họ và tên (*)	Đơn vị	Tổng số thu nhập chịu thuế/năm	Các khoản giảm trừ		Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		Ghi chú
				Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Bảo hiểm bắt buộc			Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	
[01]	[02]	[03]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
128	Nguyễn Thị Nhuận	THPT	129.560.001	108.000.000	5.520.690	16.039.311	810.264	801.966	8.298	
129	Thái Thị Thanh Trang	THPT	78.394.127	108.000.000	3.653.433	0	37.458	0	37.458	
130	Trần Thị Mỹ Huyền	THPT	89.527.318	108.000.000	3.868.836	0	70.272	0	70.272	
131	Trương Thành Khoa	THPT	88.609.741	108.000.000	3.390.660	0	185.376	0	185.376	
132	Trần Thị Tuyết Mai	THPT	124.938.186	151.200.000	6.364.008	0	102.306	0	102.306	
133	Trần Anh Nga My	THPT	124.794.345	151.200.000	5.614.004	0	158.706	0	158.706	
134	Lâm Hải Trường	THPT	92.147.594	108.000.000	3.868.836	0	343.011	0	343.011	
135	Trần Quốc Tuấn	THPT	122.871.819	151.200.000	5.671.584	0	116.619	0	116.619	
136	Nguyễn Thị Ngọc Trang	THPT	167.456.577	194.400.000	6.494.568	0	1.161.900	0	1.161.900	
137	Lưu Thị Ngọc Thúy	THPT	83.285.518	108.000.000	3.390.660	0	145.647	0	145.647	